

FOOD - PART - III

1	picnic	/'pɪk.nɪk/	(n)	A1	chuyến dã ngoại
2	pizza	/'pi:t.sə/	(n)	A1	bánh pizza
3	bread	/bred/	(n)	A1	bánh mì
4	chips	/tʃɪps/	(n)	A1	khoai tây chiên
5	fries	/fraɪz/	(n)	A1	khoai tây chiên
6	pie	/paɪ/	(n)	A1	bánh nướng
7	cake	/keɪk/	(n)	A1	bánh ngọt
8	jam	/dʒæm/	(n)	A1	mứt
9	sweet(s)	/swi:ts/	(n)	A1	kẹo
10	candy	/'kæn.di/	(n)	A1	kẹo
11	ice cream	/'aɪs ,kri:m/	(n)	A1	kem
12	chocolate	/'tʃɑ:k.lət/	(n)	A1	sô-cô-la
13	pancake	/'pæn.keɪk/	(n)	A1	bánh kếp
14	biscuit	/'bɪs.kɪt/	(n)	A1	bánh quy (giòn)
15	cookie	/'kʊk.i/	(n)	A1	bánh quy
16	butter	/'bʌt.ə/	(n)	A1	bơ
17	cereal	/'sɪr.i.əl/	(n)	A1	ngũ cốc
18	honey	/'hʌn.i/	(n)	A1	mật ong
19	yoghurt/ yogurt	/'jɒʊ.gəʔt/	(n)	A1	sữa chua
20	flour	/'flaʊ.ə/	(n)	A1	bột mì





--	--	--	--



--	--	--	--



--	--	--	--



--	--	--	--



--	--	--	--